

VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHẤT LƯỢNG CAO: Kinh nghiệm Trung Quốc và những gợi ý cho Việt Nam

NGÔ THỊ THUYỀN DUNG^(*)

Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận và thực tiễn của Công trình 211 (công trình xây dựng các trường đại học và các ngành khoa học trọng điểm chất lượng cao của Trung Quốc - một quốc gia có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam), qua đó rút ra một vài kinh nghiệm cho công cuộc cải cách giáo dục đại học của Việt Nam hiện nay.

I. Quan điểm về xây dựng các trường đại học chất lượng cao của Trung Quốc và sự ra đời của “Công trình 211”

Ngay từ thập niên 70 của thế kỉ trước, khi Trung Quốc bắt đầu công cuộc cải cách mở cửa, các nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã sớm nhận thức được rằng, một nền giáo dục trình độ cao sẽ giúp Trung Quốc đẩy nhanh tốc độ phát triển, thúc đẩy quá trình chấn hưng dân tộc, xây dựng xã hội khá giả toàn diện, tiến tới xây dựng thành công CNXH mang đặc sắc riêng của Trung Quốc.

Cũng như các bậc học khác, giáo dục bậc đại học Trung Quốc đang đứng trước các yêu cầu phải cải cách, thích nghi với tình hình mới, nâng cao chất lượng, phục vụ tốt hơn nữa cho công cuộc phát triển đất nước. Nhận thức rõ điều này, sau khi nước CHND Trung Hoa ra đời, Đảng Cộng sản, Quốc vụ viện Trung Quốc luôn coi trọng việc xây dựng trọng điểm trong lĩnh vực giáo dục đại học.

Từ năm 1954-1960, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã xác định 44 trường đại học trọng điểm trong cả nước. Đến hết năm 1981, con số này là 96 trường. Tháng 4/1984, Quốc vụ viện Trung Quốc đưa 10 trường vào hạng mục trọng điểm của Nhà nước. Năm 1984-1985, 5 học viện quốc phòng đã được đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Năm 1985, “Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục” đã chỉ rõ: “để tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nhân tài chuyên môn chất lượng cao, phải cải tiến và hoàn thiện chế độ bồi dưỡng nghiên cứu sinh”, “phải căn cứ vào nguyên tắc cùng nhau bàn luận, lựa chọn những đại diện ưu tú để bồi dưỡng, có kế hoạch xây dựng một loạt các ngành khoa học trọng điểm” (7).

Bước sang thập niên 90 (thế kỉ XX), trên cơ sở “Đề cương cải cách và phát

^(*) Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

triển giáo dục Trung Quốc” do Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành ngày 13/2/1993 (8), Trung Quốc đã sớm xây dựng chiến lược phát triển giáo dục đại học một cách toàn diện với các công trình và hạng mục khác nhau như “Công trình 211”, “Công trình 985”... nhằm tạo nên một diện mạo mới cho giáo dục đại học Trung Quốc, đưa giáo dục đại học của Trung Quốc lên tầm quốc tế. Trong số đó, “Công trình 211” được đề ra từ năm 1995, sau hơn 10 năm thực hiện, đã đạt được những thành tựu đáng kể.

“Công trình 211” - Công trình tập trung xây dựng khoảng 100 trường đại học và các ngành khoa học trọng điểm chất lượng cao, hướng tới thế kỉ XXI của Trung Quốc - được coi là một nội dung chiến lược trong công cuộc xây dựng các trường đại học uy tín quốc tế của Trung Quốc, hướng tới xây dựng những trường đại học và những ngành khoa học trọng điểm phát triển toàn diện, với hệ thống dịch vụ công cộng cho giáo dục hoàn thiện, có tác dụng thúc đẩy trở lại tới tổng thể nền giáo dục đại học nói chung. Vì vậy, Trung Quốc đã huy động một lượng vốn đầu tư dồi dào từ nhiều nguồn khác nhau, từ Chính phủ, địa phương, các bộ ngành đến chính khả năng tự huy động của các trường. Với kế hoạch đầu tư, định hướng phát triển rõ ràng, được quy định cụ thể bằng văn bản, các trường tham gia “Công trình 211” buộc phải có những điều chỉnh để phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn chất lượng cao. Ngoài ra, các đối tượng đầu tư được lựa chọn hết sức khắt khe, quy trình quản lý quy phạm, với các tổ chức và văn phòng phụ trách từ cấp trung ương đến địa phương và các trường, đảm bảo các hạng mục đầu tư và xây dựng luôn được thực hiện đúng

hướng và kịp thời hạn. Chính các ưu điểm này đã đem lại những thành công nhất định cho Trung Quốc sau hơn 10 năm thực hiện “Công trình 211”.

II. Những thành tựu trong công tác thực hiện “Công trình 211”

1. Quy mô và kết cấu đầu tư

Từ năm 1996, Trung Quốc đã chi một lượng ngân sách không ngừng tăng cho giáo dục: năm 1996 là 121,1 tỉ Nhân dân tệ (NDT); năm 2001 là 258,2 tỉ NDT; năm 2006 là 546,4 tỉ NDT; năm 2007 là 553,9 tỉ NDT; và năm 2008 đạt khoảng 908 tỉ NDT. Ngân sách đầu tư cho giáo dục đại học cũng được cải thiện đáng kể (năm 2006 là 120,7 tỉ NDT, tương đương 22% tổng mức đầu tư của trung ương cho giáo dục). Theo đó, kinh phí đầu tư cho “Công trình 211” cũng không ngừng tăng. Nguồn ngân sách đầu tư từ trung ương trong giai đoạn 1 là 2,755 tỉ NDT, đến giai đoạn 2 đã tăng lên thành 6 tỉ NDT và dự kiến trong giai đoạn 3, con số này sẽ là 10 tỉ NDT (9).

Bên cạnh đó, về kết cấu đầu tư có thể thấy qua một vài số liệu sau (9):

Trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 9, “Công trình 211” được thực hiện tại 99 trường đại học với khoảng 602 hạng mục về xây dựng các ngành khoa học trọng điểm, bên cạnh đó còn có 2 hạng mục lớn về xây dựng hệ thống dịch vụ công cộng cho giáo dục đại học mang tầm cỡ quốc gia. Khoản kinh phí đầu tư trong giai đoạn này là 18,63 tỉ NDT, trong đó dùng cho xây dựng các ngành khoa học trọng điểm là 6,47 tỉ NDT, xây dựng hệ thống dịch vụ công cộng tại các trường và trong cả nước là 3,61 tỉ NDT, xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị là 8,55 tỉ NDT.

Sang giai đoạn Kế hoạch 5 năm lần thứ 10, “Công trình 211” đã được thực

hiện tại 107 trường đại học với 821 hạng mục xây dựng các ngành khoa học trọng điểm, ngoài ra còn có 3 hạng mục xây dựng hệ thống dịch vụ công cộng của giáo dục đại học mang tầm cỡ quốc gia, đồng thời tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên. Kinh phí thực hiện trong giai đoạn này là 18,75 tỉ NDT, trong đó dùng cho xây dựng các ngành khoa học trọng điểm là 9,79 tỉ NDT, xây dựng hệ thống dịch vụ công cộng là 3,71 tỉ NDT, xây dựng đội ngũ giảng viên là 2,22 tỉ NDT, xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị là 3,04 tỉ NDT.

Xét về nội dung đầu tư, Trung Quốc đã có những điều chỉnh nhất định qua từng thời kì, từ việc tập trung cho xây dựng cơ sở vật chất trong những giai đoạn đầu chuyển hướng dần sang tập trung bồi dưỡng yếu tố con người trong những giai đoạn tiếp theo. Điều này phản ánh sự linh hoạt ở một mức độ nhất định trong hoạt động quản lý đầu tư cho “Công trình 211” nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu cụ thể trong từng giai đoạn và hướng đến các mục tiêu cụ thể và lâu dài.

2. Xây dựng các ngành khoa học trọng điểm và nâng cao năng lực nghiên cứu của các trường

Xây dựng các ngành khoa học trọng điểm là một trong những nội dung trọng tâm của “Công trình 211”, bởi một trường đại học phải có các ngành khoa học trọng điểm đạt trình độ cao mới có thể trở thành đại học uy tín quốc tế. Cùng với đó, công cuộc này cũng là quá trình nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của các trường đại học, định hướng lại hoạt động của các trường theo hướng không chỉ gói gọn trong công tác giảng dạy mà còn có các hoạt động nghiên cứu có giá trị, được thế giới biết đến và công nhận.

Ở phương diện xây dựng các ngành khoa học trọng điểm (9): Một số ngành khoa học của Trung Quốc trên thực tế đã tiếp cận và đạt đến trình độ tiên tiến quốc tế; Hệ thống ngành trọng điểm (khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, khoa học xã hội và nhân văn) đã được xây dựng về cơ bản, thích ứng với công cuộc hiện đại hóa đất nước.

Có thể kể một vài ví dụ như: Khoa vật lý của trường Đại học khoa học kỹ thuật Trung Quốc, lần đầu tiên trên thế giới thực hiện thành công thí nghiệm vật lý lượng tử (quantum game) và được các tạp chí chuyên ngành uy tín quốc tế đánh giá rất cao; Đại học Phúc Đán đã xây dựng thành công hệ thống thông tin lịch sử, địa lý Trung Quốc, cho phép tạo dựng được tất cả các bản đồ về diễn biến cương vực, khu hành chính của Trung Quốc trong suốt hơn 2000 năm; Khoa vật liệu trường Đại học Trung Nam đã giành được những thành tựu đột phá trong kỹ thuật chế tạo vật liệu làm phanh hãm máy bay.

Ngoài các ngành khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, sự phát triển của các ngành có tính giao thoa cũng diễn ra nhanh chóng, hình thành các ngành khoa học tổ hợp, đi đầu, giải quyết các vấn đề trọng đại của đất nước. Ví dụ, trường Đại học Hàng không Bắc Kinh, qua kết hợp giữa các ngành không chế tự động, kỹ thuật tự động hóa, khí động học, thủy lực học, thông tin, vật liệu, đã nghiên cứu về kỹ thuật ẩn dạng của thiết bị bay, tạo điểm khởi đầu mới cho các ngành liên quan đến lĩnh vực phòng sinh thủy lực học đối với các thiết bị bay nhỏ, đóng góp lớn cho lĩnh vực quốc phòng an ninh của Trung Quốc.

Ngoài ra, còn phải kể đến ngành vật liệu của Đại học Thanh Hoa. Đây là một ngành rất mạnh, có ưu thế trên nhiều

phương diện, được xây dựng bởi “Công trình 211” cùng việc tái tổ hợp và điều chỉnh. Căn cứ vào kết quả thống kê của ESI (Essential Science Indicators), từ năm 1995-2005, số công bố khoa học của ngành theo danh mục SCI (Science Citation Index) là 3.677, đứng thứ 2 thế giới. Nếu căn cứ vào chất lượng của các báo cáo khoa học, sự xếp loại các báo cáo được trích dẫn, Đại học Thanh Hoa được trích dẫn 10.733 lần, đứng thứ 20 thế giới.

Ở phương diện nâng cao năng lực nghiên cứu của các trường (9): Với sự đầu tư mạnh mẽ và có định hướng rõ ràng, năng lực nghiên cứu của các trường đại học Trung Quốc đã được nâng cao đáng kể và đạt được những thành tựu lớn lao.

Đến năm 2002, Trung Quốc đã có 91 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia tại các trường đại học hàng đầu. Hiện nay, chỉ riêng Đại học Bắc Kinh đã có 13 phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, những công trình nghiên cứu tại đó luôn gắn chặt với những vấn đề mang tính cấp thiết cho sự phát triển của đất nước. Trung Quốc đến nay đã chi khoảng 1,4 tỉ NDT cho khoảng 224 phòng thí nghiệm vận hành và nghiên cứu. Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học của các trường ngày càng tăng. Năm 2005, kinh phí nghiên cứu khoa học của các trường đại học Mĩ gấp 23,4 lần so với Trung Quốc, nhưng hiện nay chỉ còn gấp 6,2 lần. Đầu tư cho nghiên cứu khoa học của Trung Quốc tuy chưa thể so với Mĩ nhưng đã có sự thu hẹp đáng kể.

Về số lượng nghiên cứu khoa học được công bố, năm 1995 Mĩ gấp 15 lần Trung Quốc, nhưng đến năm 2005 chỉ còn gấp 3,6 lần, thậm chí con số này còn giảm hơn trong năm 2007. Về chất lượng của các nghiên cứu được công bố,

tức số lượng nghiên cứu được trích dẫn (theo tiêu chuẩn là công bố trong danh mục SCI), năm 1995 Mĩ gấp Trung Quốc 51,7 lần, năm 2005 chỉ còn gấp 6,2 lần. Số liệu cụ thể là, năm 1995, Trung Quốc chỉ có 10.832 công bố khoa học trong danh mục SCI, trong khi đó chỉ riêng Đại học Harvard và Đại học Công nghệ Massachusetts (MIT) đã là 11.750. Nhưng nay, số lượng này của Trung Quốc đã tăng lên 7 lần. Trong khoảng từ năm 2000-2005, số lượng công bố khoa học của các trường đại học Trung Quốc trong danh mục SCI tăng gấp đôi, hơn 40 ngành khoa học đã tiếp cận được với trình độ tiên tiến của thế giới.

Đi sâu vào các trường hợp cụ thể, so sánh một vài số liệu giữa Đại học Thanh Hoa và MIT, có thể thấy: Xét về số lượng công bố khoa học trong danh mục EI (The Engineering Index), Đại học Thanh Hoa đã vượt qua MIT; Số lượng phát minh được cấp quyền sở hữu sáng chế của Đại học Thanh Hoa năm 2005 là 521, còn MIT chỉ có 127, dù năm 1995, MIT đã từng gấp Đại học Thanh Hoa 2,2 lần về số phát minh được cấp bằng sáng chế; Ngoài ra, Đại học Thanh Hoa đã có khoảng 2.700 bài báo được liệt kê trong danh mục SCI năm 2003, gần bằng con số các trường hàng đầu thuộc top 50 của thế giới.

Tuy các trường đại học tham gia “Công trình 211” chỉ chiếm 6% nhưng đã đảm trách 1/2 hạng mục ngân sách khoa học tự nhiên quốc gia và hạng mục 973 (Kế hoạch phát triển nghiên cứu cơ bản trọng điểm cấp Nhà nước), 1/3 hạng mục 863 (Kế hoạch nghiên cứu phát triển cao), có 85% số ngành khoa học trọng điểm của quốc gia và 96% số phòng thí nghiệm trọng điểm, chiếm 70% kinh phí nghiên cứu khoa học (7). Có thể nói, với năng lực nghiên cứu

ngày càng cao, các trường này có vai trò rất quan trọng đối với giáo dục đại học của Trung Quốc nói riêng và công cuộc phát triển đất nước nói chung.

3. Nâng cao trình độ tổng thể của các trường

Với mục tiêu xây dựng trọng điểm một số trường đại học, tiến tới thúc đẩy sự phát triển của giáo dục đại học nói chung, quá trình thực hiện “Công trình 211” đã đem lại diện mạo mới cho các trường đại học trên nhiều lĩnh vực như: cơ sở vật chất, công tác giảng dạy, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ trình độ cao,...

Trung Quốc hiện có hơn 1.700 trường đại học. Từ 1995-2005, Trung Quốc đã đào tạo 2,42 triệu sinh viên chính quy, 500 nghìn thạc sĩ, 120 nghìn tiến sĩ, 110 nghìn lưu học sinh. Hiệu quả đào tạo cũng tăng rõ rệt, điều này có thể nhận thấy qua sự xuất hiện của rất nhiều luận văn tiến sĩ xuất sắc. Tại các trường tham gia “Công trình 211”, quy mô đào tạo nghiên cứu sinh năm 2005 gấp 6,2 lần so với năm 1995, đảm trách đào tạo 4/5 số nghiên cứu sinh tiến sĩ của cả nước, 2/3 số học viên cao học, 1/2 số lưu học sinh, 1/3 số sinh viên chính quy (9).

Tỉ lệ số người nhận bằng tiến sĩ của Mĩ so với Trung Quốc năm 1995 là 1:5,6, nhưng đến năm 2005 chỉ còn 1:0,8. Số người nhận bằng tiến sĩ vào năm 1995 của MIT gấp Đại học Thanh Hoa 2,9 lần, tuy nhiên đến năm 2005 Đại học Thanh Hoa đã vượt qua MIT với tỉ lệ 1:0,7 (9).

Thông qua thu hút và bồi dưỡng, các giảng viên tuổi trung và thanh niên (dưới 45 tuổi) đã trở thành lực lượng chủ lực trong các trường đại học với tỉ lệ 33%. Tỉ lệ các giảng viên có bằng tiến sĩ đã tăng đáng kể, tại các trường thuộc

“Công trình 211” là 31%, trong khi trước đây chỉ là 2%. Năm 2005, số giảng viên có bằng tiến sĩ là 51.211, gấp 5,8 lần so với năm 1995. Đặc biệt, ở các trường đại học nghiên cứu hàng đầu của Trung Quốc, số giảng viên có bằng tiến sĩ đã đạt đến 50% và được hy vọng sẽ đạt đến 75% trước năm 2010 (9).

Đáng chú ý, các trường đại học thuộc “Công trình 211” còn khá thành công trong việc thu hút nhân tài từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là từ các trường đại học hàng đầu thế giới. Có thể kể đến ví dụ là nhà nghiên cứu di truyền học hàng đầu của Trung Quốc Xu Tian, được đào tạo tại Đại học Yale (Mỹ) và hiện vẫn đang giảng dạy tại đây. Ông đã nhận lời phụ trách một phòng thí nghiệm ở Đại học Phúc Đán (nơi tiến hành những nghiên cứu về biến đổi gen). Ngày 12/8/2005, nghiên cứu có tính đột phá của ông đã được nêu trên trang bìa của tờ tạp chí nghiên cứu uy tín *Lừng lẫy* - *Tạp chí Nghiên cứu tế bào*. Đây là lần đầu tiên một khoa học gia Trung Quốc có được vinh dự ấy. Hay như Đại học Tài chính Thượng Hải đã thành công trong việc mời nhà kinh tế học nổi tiếng Điền Quốc Cường về làm Viện trưởng Viện Kinh tế và Tiên tệ, ngoài ra trường này còn mời được hơn 20 học giả từ Đại học Harvard và Oxford, từ đó tạo thành một đội ngũ sáng tạo trình độ cao trên lĩnh vực kinh tế.

4. Xây dựng hệ thống dịch vụ công cộng của giáo dục đại học

Qua “Công trình 211”, hệ thống dịch vụ công cộng giáo dục đại học của Trung Quốc đã đóng góp những hỗ trợ quan trọng cho việc kịp thời nắm bắt thông tin học thuật trên thế giới, chung hưởng tài nguyên giáo dục, thúc đẩy nâng cao trình độ giáo dục đại học, đồng thời làm

thay đổi quan niệm về xây dựng các nguồn lực của giáo dục đại học.

Về xây dựng hệ thống bảo đảm về tư liệu cho giáo dục đại học, hạng mục xây dựng trọng điểm trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 10 của “Công trình 211” là mạng điện tử nghiên cứu khoa học và giáo dục Trung Quốc và hệ thống mạng nghiên cứu khoa học (Chinagrid). Ngoài ra, Trung Quốc đã tăng cường xây dựng phòng thực nghiệm các môn cơ sở và chuyên ngành, phòng đa phương tiện công cộng, bao gồm phòng máy tính chuyên dụng, xây mới và cải tạo thư viện, số hóa tài liệu... Quan trọng hơn là xây dựng được một loạt phòng thí nghiệm, thực tập, mạng tư liệu của các trường..., có tác dụng quan trọng đối với hoạt động giao lưu học thuật của sinh viên.

Trên phương diện xây dựng hệ thống dịch vụ công cộng, Trung Quốc đã xây dựng được mạng lưới cáp quang dài hơn 30 nghìn km, phủ kín đến hơn 30 tỉnh, các kết cấu mạng lưới liên thành phố là hơn 200, kết cấu mạng lưới liên kết giáo dục là 1.500, số người sử dụng đã vượt quá con số 20 triệu người, có tác dụng quan trọng trong công tác tuyển sinh của các trường. Mạng nghiên cứu khoa học của Trung Quốc hiện cũng đang được xếp hạng hàng đầu thế giới, mạng CERNET2 cũng là mạng học thuật lớn nhất thế giới hiện nay.

5. Nâng cao tầm ảnh hưởng và hợp tác giao lưu quốc tế

Ngày càng nhiều các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học của các nước phát triển đã phối hợp với các trường đại học trình độ cao của Trung Quốc để xây dựng các cơ quan nghiên cứu liên hợp, tăng cường những hợp tác học thuật và kỹ thuật. Mức độ giao lưu ngày càng lớn, hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng, qua đó tầm ảnh hưởng và địa vị

quốc tế của giáo dục đại học Trung Quốc ngày càng được nâng cao rõ rệt. Hiện nay, đã có 27 quốc gia và vùng lãnh thổ như Anh, Pháp, Đức... kí kết với Chính phủ Trung Quốc hiệp định công nhận học vị và chương trình học tập của nhau... Đây có thể coi là một thành tựu vô cùng quan trọng trong công cuộc xây dựng các trường đại học uy tín quốc tế của Trung Quốc (9).

Tóm lại, trải qua hơn 10 năm nỗ lực thực hiện “Công trình 211”, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trên tất cả các lĩnh vực và nội dung mà họ đã đề ra trong kế hoạch, bao gồm: cơ sở vật chất, trình độ, hiệu quả công tác đào tạo và nghiên cứu, chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ, phạm vi và trình độ hợp tác giao lưu quốc tế. Với những thành tựu này, giáo dục đại học Trung Quốc đã có một bước tiến dài trong việc tìm kiếm một chỗ đứng trong hàng ngũ những nền giáo dục hàng đầu thế giới. Và đây chính là nền tảng vững chắc cho những bước phát triển về sau của giáo dục đại học Trung Quốc nói riêng và của tổng thể nền giáo dục nói chung của đất nước đông dân nhất thế giới này.

III. Những gợi ý cho Việt Nam

Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia có nhiều điểm tương đồng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Riêng về giáo dục đại học, Việt Nam cũng đang trong quá trình nỗ lực cải cách, xây dựng các trường đại học chất lượng cao, tuy nhiên phải thừa nhận vẫn còn nhiều khiếm khuyết nhất định. Nhìn sang trường hợp của nước bạn Trung Quốc và cụ thể là “Công trình 211” của họ, có thể rút ra một vài kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

Trước hết là phải thay đổi nhận thức về giáo dục đại học mà cụ thể là về vai trò của các trường đại học. Nền tảng tinh thần giáo dục đại học ngày nay gần như không thay đổi so với tinh thần cải cách đại học của Wilhelm von Humboldt vào thế kỷ XIX, người được coi là “người cha đẻ về mặt tinh thần” của các trường đại học hiện đại. Đó là tinh thần kết hợp (thống nhất) giảng dạy và nghiên cứu (người thầy giỏi phải là người trước nhất nghiên cứu, khám phá cái mới), tự do giảng dạy, tự do học, và tinh thần coi khoa học - và chân lý nói chung - là cái phải được không ngừng nghiên cứu. Nói cách khác, các trường đại học không nên chỉ bó hẹp trong việc giảng dạy mà phải trở thành hạt nhân trong hệ thống nghiên cứu và sáng tạo của đất nước. Không chỉ vậy, ngày nay nhiệm vụ của các trường đại học có thể nói vừa là vườn ươm nhân tài theo nghĩa là nơi phát huy tư duy độc lập của sinh viên, nhằm đóng góp vào sự hiểu biết và phát triển nền văn minh của dân tộc và nhân loại, vừa phải đáp ứng nhu cầu lao động có tri thức và kỹ năng cao, có khả năng tự nâng tầm kiến thức để đáp ứng được các đòi hỏi mới của nền kinh tế luôn thay đổi. Truyền thống “đại học tinh hoa” kết hợp nghiên cứu và giảng dạy (không thể nhằm vào số đông) là điều cần bảo tồn và phát huy trong bất cứ một quốc gia nào, vì mục đích của nó là đào tạo ra các trí thức có óc sáng tạo và tinh thần phê phán. Tuy nhiên, ta cũng không thể bỏ quên mảng đại học cho số đông, nhằm phục vụ phát triển kinh tế.

Muốn như vậy, cần tập trung cho một số phương diện quan trọng như: có sự đầu tư thích đáng và định hướng cụ thể cho hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học, bao gồm việc xây dựng các phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu

trọng điểm...; thống nhất các tiêu chuẩn đánh giá, đề ra các chuẩn mực rõ ràng và phù hợp với xu thế chung của thế giới; đầu tư liên tục và liên mạch cho việc xây dựng đội ngũ giảng viên, những người khơi mở con đường cho sinh viên; cải tiến chương trình và phương pháp dạy học nhằm xây dựng năng lực tự do học tập, độc lập nghiên cứu của các sinh viên, nghiên cứu sinh; tạo lập một môi trường tự do học thuật thật sự, thúc đẩy mạnh năng lực nghiên cứu, sáng tạo của họ. Đối với cơ chế quản lý của các trường, cần nâng cao hơn nữa tính tự chủ của các trường đại học với chữ “tự chủ” mang ý nghĩa quyền tự chủ trong việc quyết định chương trình giảng dạy, bổ nhiệm giáo sư, quản lý nhân viên, công tác liên thông và giao lưu học thuật,...

Ngoài ra, phải hiện đại hóa, sử dụng hiệu quả các thành tựu khoa học-kỹ thuật trong xây dựng cơ sở vật chất, môi trường giáo dục, hệ thống dịch vụ giáo dục như mạng thông tin, tư liệu. Đây là một nội dung cần chú ý trong công tác cải cách giáo dục đại học nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của các trường, và xa hơn là thúc đẩy sự chia sẻ các nguồn lực giáo dục, tiến tới thúc đẩy trình độ tổng thể của giáo dục đại học nói chung.

Công bằng trong giáo dục luôn là điều cần được cân nhắc trước mọi quyết sách. Cải cách giáo dục đại học phải đem lại những lợi ích công khai, bình đẳng cho mọi trường, mọi giới, mọi thành viên trong xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hợp tác và giao lưu quốc tế phải vừa là nhiệm vụ, vừa là mục tiêu của công cuộc cải cách giáo dục đại học, nhất là đối với những nền giáo dục còn ở trình độ thấp như Việt Nam, nhằm tận dụng các

thành tựu của các nền giáo dục đi trước, nhanh chóng hội nhập và bắt kịp với những làn sóng đi đầu của thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Căn. Quá trình cải cách giáo dục ở CHND Trung Hoa thời kỳ 1978-2003. H.: Khoa học xã hội, 2006.
2. Nguyễn Văn Căn. Cải cách giáo dục đại học Trung Quốc trong những năm thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc”. Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1/2007.
3. Hồ Tú Bảo. Một số ý kiến về nghiên cứu khoa học và giáo dục cao học ở Việt Nam. Tạp chí *Thời đại*, số 13/2008.
http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai13/200813_HoTuBao.htm
4. Phạm Thị Hồng Nhung. Vai trò của giáo dục trong cải cách mở cửa ở Trung Quốc (từ năm 1978 đến nay). Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, 2004.
5. Phạm Thái Quốc. Trung Quốc: Cải cách giáo dục đại học cho nhu cầu công nghiệp hoá đất nước. Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 6/1998.
6. Nian Cai Liu. Các trường đại học nghiên cứu ở Trung Quốc: sự phân loại và vị trí đẳng cấp thế giới trong tương lai. *Bản tin thông tin giáo dục quốc tế*, số 4/2008.
http://lypham.net/joomla/index.php?option=com_content&task=view&id=110&Itemid=2
7. Giáo dục Trung Quốc 30 năm cải cách mở cửa – Các vấn đề liên quan đến Công trình 211 và Công trình 985 cũng như công tác đào tạo sau đại học và đổi mới cơ chế.
<http://www.zzjyw.cn/n931c56.aspx>
8. Công trình 211.
<http://www.baidu.com/s?wd=211%B9%A4%B3%CC&oq=211&f=3&rsp=0>
9. Số liệu từ “Bộ Giáo dục Trung Quốc công bố thành tựu thực hiện Công trình 211 và tình hình thực thi giai đoạn 3”. www.gov.cn, 3/6/2008.
10. Tài liệu hướng dẫn về Báo cáo của Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17. Trung Quốc: Nhân dân, 2007.
11. Quách Phù Khang. 30 năm khôi phục giáo dục đại học, các chuyên gia tranh luận sôi nổi về giáo dục đáp ứng yêu cầu xã hội. *Quang Minh nhật báo*, 30/7/2007.
12. Chu Tế. Nhìn lại công cuộc cải cách và phát triển giáo dục của Trung Quốc từ sau Đại hội Đảng lần thứ 16. www.edu.cn, 17/10/2007.
13. Tài liệu hướng dẫn về “Báo cáo công tác Chính phủ” tại Hội nghị lần thứ nhất, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 11. Trung Quốc: Sự thật, 2008.
14. Sở Nghiên cứu phát triển trí lực, Viện Nghiên cứu khoa học giáo dục Thượng Hải. Nghiên cứu phát triển giáo dục Trung Quốc thời kỳ mới 1983-2005. Thượng Hải: Khoa học xã hội, 2006.
15. Hồ Cẩm Đào. Báo cáo Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17. www.xinhuanet.com, 24/10/2007.
16. Giang Trạch Dân. Báo cáo Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16. www.xinhuanet.com, 16/1/2005.
17. www.baidu.com
18. www.moe.edu.cn